**THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐÂU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG[[1]](#footnote-1)**

Thứ nhất, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Các nhà đầu tư có thể khai hồ sơ trực tuyến tại website <https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi> hoặc trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Hệ thống được xây dựng nhằm chuẩn hóa và tin học hóa các nghiệp vụ quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài đồng thời thiết lập một kho dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, dự án đầu tư nước ngoài và dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; thiết lập hệ thống thu thập, cập nhật thông tin về hoạt động FDI trên phạm vi toàn quốc.

Ngoài ra, một tính năng nổi bật của Hệ thống là tính năng báo cáo doanh nghiệp. Với tính năng này, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ sử dụng Hệ thống để thực hiện công tác báo cáo trực tuyến cho các cơ quan quản lý. Nhà đầu tư nước ngoài và các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 23 Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2014.

Các trình tự thủ tục nộp trực tiếp, bao gồm các bước:

Bước 1:Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ dự án chưa đầy đủ thì trả hồ sơ và yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ trên nguyên tắc yêu cầu bổ sung hồ sơ một lần duy nhất, trường hợp đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ và chuyển qua bước 2.

Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho phòng Kinh tế ngành, Lãnh đạo phòng tiếp nhận và chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ dự án.

Bước 3: Chuyên viên thụ lý kiểm tra nội dung hồ sơ, sau đó trình Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì làm văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân trả hồ sơ dự án để chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình (nếu có);

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho tổ chức, cá nhân.

Bước 4:Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ một cửa của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

Các thành phần hồ sơ, gồm có: Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo Mẫu I.1, Phụ lục I, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư; Bản sao một trong các tài liệu (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư); Bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư 2014 gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận bởi cấp có thẩm quyền; Các văn bản khác liên quan đến dự án (nếu có).

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các nhà đầu tư phải tiếp tục thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nhằm khai sinh và thừa nhận tư cách pháp lý của doanh nghiệp đó. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ được bảo đảm về mặt pháp lý kể từ khi hoàn tất thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

Thứ hai là, các nhà đầu tư nước ngoài tiến hành các thủ tục thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại cơ quan đăng ký kinh doanh tức Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng hoặc đăng ký trực tuyến tại website <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn> và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ khoản 12 điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014, có định nghĩa: “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp”. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời là Giấy đăng ký kinh doanh hay Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp sẽ được cấp duy nhất một mã số và được gọi là mã doanh nghiệp. Mã số được cấp đó vừa được coi là mã số đăng ký kinh doanh vừa là mã số huế của doanh nghiệp đó. Mã số này tồn tại trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và sẽ không được cấp lại cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh thì mã số đăng ký doanh nghiệp hay mã số doanh nghiệp sẽ chấm dứt hiệu lực và không được sử dụng lại. Mã số doanh nghiệp hay mã số thuê, dùng để kê khai nộp thuế cho tất cả các loại thuế doanh nghiệp phải nộp, kể cả các trường hợp doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau, hoạt động sản xuất hay hoạt động kinh doanh tại các địa bàn khác nhau.

Phòng đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phải xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. Đối với trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ các lý do và các yêu cầu sửa đổi và bổ sung hồ sơ.

Các loại hình doanh nghiệp mà các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam thường thành lập, gồm: Công ty TNHH MTV có 100% vốn đầu tư nước ngoài; Công ty TNHH hai thành viên trở lên có 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc có thành viên là nhà đầu tư nước ngoài; Công ty Cổ phần có 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc có cổ đông sáng lập là các nhà đầu tư nước ngoài.

Các hồ sơ cần chuẩn bị khi đăng ký thành lập mới đối với Công ty TNHH một thành viên, gồm có:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT;

- Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đại diện theo ủy quyền nếu công ty tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Trường hợp công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên, hồ sơ gồm Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP  của từng đại diện theo ủy quyền.

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT.

-Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân; Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

Các hồ sơ cần chuẩn bị khi đăng ký thành lập mới đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên, gồm có:

*-* Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệptheo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT*;*

*-* Điều lệ công ty (có họ, tên và chữ ký của thành viên là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức*);*

- Danh sách thành viêntheo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT*;*

*-* Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân; Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Các hồ sơ cần chuẩn bị khi đăng ký thành lập mới đối với Công ty cổ phần, gồm có:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT;

- Điều lệ công ty (có họ, tên và chữ ký của Cổ đông sáng lập là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức);

- Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức.

Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I-7 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT;

Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục I-8 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT;

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (của cổ đông là tổ chức nước ngoài) theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT.

- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân; Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ liên quan, người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc người đại diện theo pháp luật nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Các trình tự thực hiện, như sau:

* Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và thanh toán lệ phí tại Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng. Khi nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận.
* Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hợp lệ được quy định tại Điều 36 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Khoản 3, Khoản 4 Điều 36 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ;

Người đại diện theo pháp luật kê khai thông tin, tải văn bản điện tử của các giấy tờ chứng thực cá nhân tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh.

Người đại diện theo pháp luật sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua mạng điện tử sử dụng tài khản đăng ký kinh doanh, cần lưu ý:

* Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
* Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp  và Thông báo hồ sơ hợp lệ qua mạng điện tử đến Phòng Đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật có thể nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy và Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc nộp qua đường bưu điện.
* Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.
* Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

Khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đủ điều kiện và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định, các thông tin về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đó được chuyển sang cơ sở dữ liệu của Tổng Cục thuế (Bộ Tài chính). Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Tổng Cục thuế có trách nhiệm tạo mã số doanh nghiệp và chuyển mã số doanh nghiệp sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp cho doanh nghiệp. Thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ được chuyển sang Tổng Cục thuế. Trường hợp Tổng Cục thuế từ chối cấp mã số cho doanh nghiệp thì phải gửi thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó nói rõ lý do từ chối để chuyển cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, để có thể chính thức hoạt động, doanh nghiệp cần thực hiện một số thủ tục sau:

* Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thành lập hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải đăng nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo quy định tại Điều 28 Luật Doanh nghiệp,Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 05/2013/NĐ-CP và trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.
* Sau khi có mã số doanh nghiệp (đồng thời là mã số thuế), doanh nghiệp cần thực hiện một số thủ tục về thuế tại Cơ quan Thuế để kê khai, nộp thuế theo thông báo của Cục thuế tỉnh/thành phố (thủ tục tạo và phát hành hóa đơn; thủ tục mua, cấp hóa đơn; thủ tục kê khai nộp thuế,…).
* Doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện thủ tục khắc dấu cần liên hệ với cơ quan liên quan và cơ quan công an để thực hiện thủ tục khắc dấu, đăng ký mẫu dấu theo quy định tại Nghị định số 58/2001/NĐ-CP.
* Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện: sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp liên hệ cơ quan quản lý chuyên ngành để được hướng dẫn.

1. Nguyễn Thị Thu Hồng – Khoa Luật – Trường Đại học Duy Tân [↑](#footnote-ref-1)